



CREATE CAPITAL VIET NAM

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Serve Green energy by quality products

MỤC LỤC	
CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	2
1 Thông tin chung.....	2
2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	3
3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	12
4 Định hướng phát triển	22
5 Các rủi ro của doanh nghiệp	22
CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022	26
1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
2 Tổ chức và nhân sự.....	27
3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	30
4 Tình hình tài chính	31
5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	33
CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	35
1 Tình hình sản xuất kinh doanh	35
2 Tình hình tài chính	35
3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	36
4 Kế hoạch phát triển trong tương lai	36
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	37
1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	37
2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	37
3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	37
CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
1 Hội đồng quản trị	38
2 Ban Kiểm soát.....	45
3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	49
CHƯƠNG VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)	51

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1 Thông tin chung

1.1 Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105087537
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 *đồng*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 *đồng*
- Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.6292.5566
- Số fax/Fax: (84-24) 6292 5566
- Website: <http://createcapital.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): *CRC*

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

2010	Ngày 29/12/2010 : Công ty được thành lập với tiền thân là Công ty TNHH Create Capital Việt Nam, số vốn Điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 (<i>mười tỷ</i>) <i>đồng</i> .
2011	Ngày 06/10/2011 , Công ty thực hiện tăng vốn Điều lệ lên 100 tỷ <i>đồng</i> .
2014	Ngày 01/08/2014 : Công ty tăng vốn lên 150 tỷ <i>đồng</i> Ngày 11/09/2014 : Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình “sở hữu tài sản” với chức năng tập trung đầu tư vào các công ty trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói đất sét nung (gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel) thông qua mua bán – sáp nhập (M&A) các doanh nghiệp, nhà máy, nhà xưởng phân bố ở miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Ngoài ra, để tăng trưởng về quy mô, công ty cũng đầu tư vào lĩnh vực thương mại hàng hóa như: xe ô tô đặc thù, sơn các loại.
2015	Ngày 31/08/2015 : Công ty được Trung tâm Lưu ký Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 150/2017/GCNCP-VSD
2018	Ngày 20/08/2018 , cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CRC .

2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2010, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021, các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1.	2431	Đúc sắt, thép
2.	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
3.	0112	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
4.	0113	Trồng cây lấy củ có chất bột
5.	0123	Trồng cây điều
6.	0124	Trồng cây hồ tiêu
7.	0125	Trồng cây cao su
8.	0126	Trồng cây cà phê
9.	0127	Trồng cây chè
10.	0620	Khai thác khí đốt tự nhiên <i>(Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);</i>
11.	0710	Khai thác quặng sắt <i>(Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);</i>
12.	0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt <i>(Trừ quặng uranium và thorium)</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành
13.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</i>
14.	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
15.	1040	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật <i>Chi tiết: không bao gồm chế biến, sản xuất dầu, mỡ động vật hoang dã quý hiếm, thực vật quý hiếm.</i>
16.	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
17.	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>
18.	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
19.	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
20.	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
21.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
22.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
23.	4312	Chuẩn bị mặt bằng <i>(trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)</i>
24.	4321	Lắp đặt hệ thống điện
25.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
26.	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành
27.	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
28.	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác <i>(trừ hoạt động đầu giá)</i>
29.	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
30.	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác <i>(trừ hoạt động đầu giá)</i>
31.	4541	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)
32.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: không kinh doanh, chế biến, xử lý các động vật hoang dã quý hiếm, bao gồm động vật sống và chế phẩm từ chúng.</i>
33.	4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);</i>
34.	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
35.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sử dụng cho sản xuất công nghiệp</i>
36.	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);</i>
37.	6810 (Chính)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>

STT	Mã ngành	Tên ngành
38.	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)</i>
39.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý <i>(Không bao gồm: Tư vấn luật, tài chính, kế toán, hoạt động của công ty luật văn phòng luật sư)</i>
40.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Dịch vụ: Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn thẩm tra dự án về đầu tư xây dựng (Chỉ được kinh doanh các ngành nghề này, khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);</i>
41.	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;</i>
42.	2610	Sản xuất linh kiện điện tử
43.	2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
44.	2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
45.	2670	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học
46.	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
47.	2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
48.	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
49.	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại

STT	Mã ngành	Tên ngành
50.	2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
51.	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
52.	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
53.	2812	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
54.	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
55.	3314	Sửa chữa thiết bị điện
56.	3319	Sửa chữa thiết bị khác
57.	3511	Sản xuất điện <i>(Trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân)</i>
58.	4101	Xây dựng nhà để ở
59.	4102	Xây dựng nhà không để ở
60.	4221	Xây dựng công trình điện

Hiện nay CRC đang kinh doanh các lĩnh vực cụ thể sau:

➤ **Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng:**

Đối với mảng kinh doanh gạch, CRC nhập nguồn hàng trực tiếp từ 2 công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực sản xuất này, cụ thể:

Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc, sau khi được đầu tư dây chuyền sản xuất công nghệ Tuynel trần phẳng tiên tiến đã đạt công suất 50 triệu viên gạch/năm, sản phẩm chủ yếu là gạch đặc và gạch 2 lỗ.

Công ty TNHH Trường Sơn có dây chuyền công nghệ Lò quay Tuynel hiện đại với công suất 80 triệu viên gạch/năm. Sản phẩm chủ yếu là gạch 2 lỗ.

Bên cạnh việc kinh doanh thương mại các sản phẩm gạch từ 2 công ty liên kết này, CRC còn thực hiện kinh doanh bán các sản phẩm vật liệu xây dựng khác, chủ yếu là sắt, thép cho các đại lý, công trình trong nước.

Một số hình ảnh sản phẩm VLXD mà CRC kinh doanh



Các sản phẩm gạch Tuynel



Gạch Ceramic



Sắt thép xây dựng các loại

➤ *Hoạt động kinh doanh nông sản*

Là một mảng hoạt động chính của Công ty từ năm 2017 đến nay với các sản phẩm là điều, cao su, quế ... CRC thực hiện thu mua nguyên liệu đã qua hoặc chưa qua chế biến từ những đối tác có uy tín trong nước để đóng gói và cung cấp cho các doanh nghiệp trong nước và xuất khẩu sang nước ngoài. Thị trường nước ngoài của Công ty bao gồm Nga, Singapore, Mỹ, Anh, Thụy Sĩ, Trung Quốc, Hàn Quốc. Những năm gần đây, Công ty tập trung phát triển mặt hàng điều nhân và cao su, do đây là một trong những thế mạnh sản xuất của Việt Nam, có thị trường ổn định, an toàn và nguồn cung nội địa tương đối dồi dào.

Mùa cao su hàng năm bắt đầu từ tháng 5 dương lịch đến tháng 2 năm sau với vòng đời khai thác của cây tương đối dài, từ 20 -25 năm. Công ty thực hiện thu mua mủ cao su từ các hộ dân trong vùng nguyên liệu (Kon Tum, Bình Dương ...) và vận chuyển đến nhà máy được Công ty thuê để gia công và nhập kho.

Một số hình ảnh sản phẩm nông sản của CRC



Điều nhân



Cao su nguyên liệu SVR, SBR

➤ ***Hoạt động cung cấp pin, vật tư phụ kiện và xây lắp các dự án điện mặt trời áp mái:***

Là lĩnh vực mà CRC chuyển sang hoạt động từ giữa năm 2020. Đến nay, thông qua việc tìm kiếm các khách hàng, Công ty đã có những bước đầu tham gia cung cấp pin mặt trời, vật tư phụ kiện, đồng thời thi công xây lắp các dự án phát triển năng lượng điện mặt trời áp mái, chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương, từ đó đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của Công ty.

Một số dự án Công ty đã thực hiện xây lắp và bán pin, thiết bị cho dự án có thể kể đến như:

Dự án Điện áp mái tại Thôn Đa Hoa



Dự án Điện áp mái thôn An Hội 1



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 6MWp
- Địa điểm: Thôn Đa Hoa, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư King Group Việt Nam

Diện áp mái Thôn An Hội 2



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai

Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Hà My

Diện áp mái Thôn An Hội 3



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Thôn An Hội, Xã Bình Tân, Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Phan Linh YB

Điện áp mái Thôn Hương Thuận



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 2MWp
- Địa điểm: Thôn Hương Thuận, Xã Dạ Lây, Huyện Dạ Tê, Tỉnh Lâm Đồng
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hồng Khanh

Điện áp mái tại tỉnh Phú Thọ



Nội dung công việc:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời hòa lưới 1MWp
- Địa điểm: Vũ Yên, Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ
- Chủ đầu tư: CRC



Nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời

- Xây dựng nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời, đồng thời cung cấp, lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái tại nhà máy
- Địa điểm: Khu công nghiệp Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Chủ đầu tư: Công ty CP CRC Solar cell

2.2 Địa bàn kinh doanh

- Địa bàn kinh doanh vật liệu xây dựng: Với mục tiêu đưa thương hiệu CRC được biết đến với người tiêu dùng, Công ty đã mở rộng địa bàn kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng của công ty đến tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

- Địa bàn kinh doanh nông sản: Sản phẩm nông sản như cao su, hạt điều nhân... sẽ được công ty thu mua để kinh doanh bán lại cho các công ty trong nước, xuất khẩu. Xuất khẩu điều là mảng hoạt động mang lại trung bình 30% cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm. Mảng hàng điều nhân của Công ty được xuất khẩu đi một số quốc gia như Trung Quốc, Nga, Belarus...

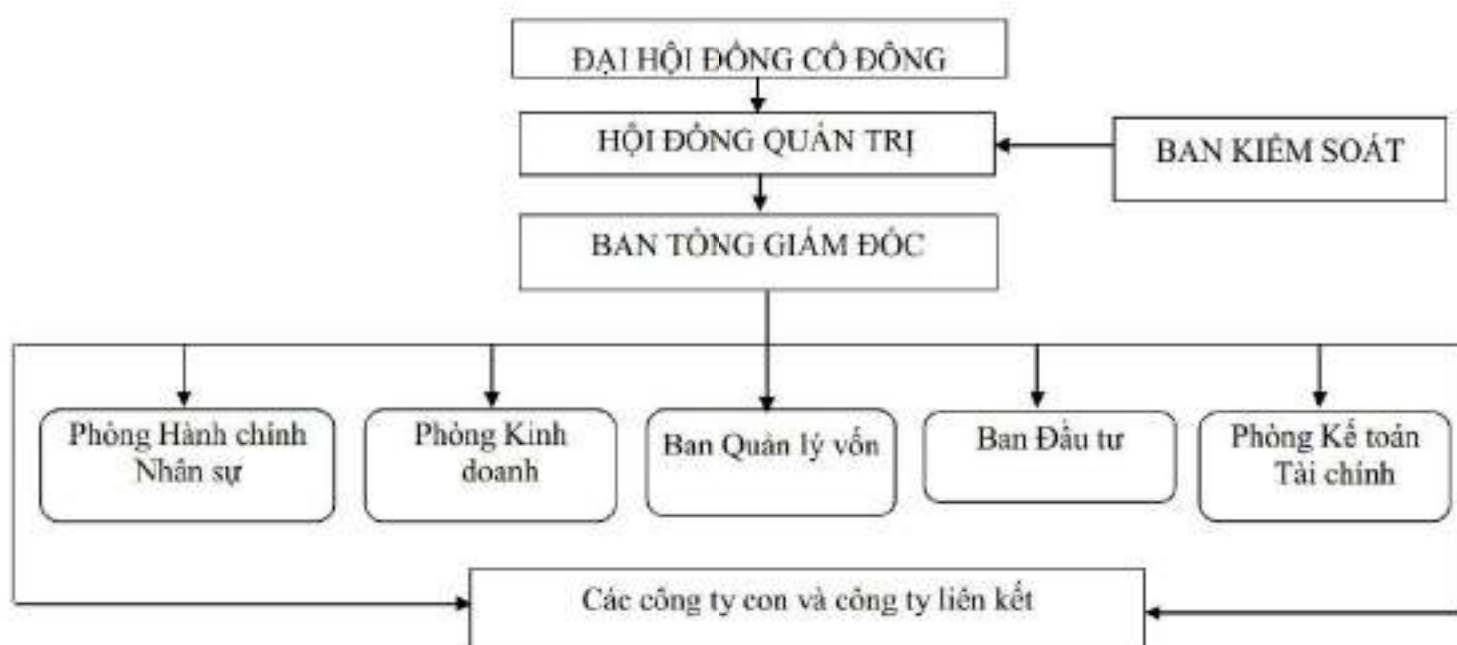
- Địa bàn kinh doanh điện năng mặt trời: Các dự án điện mặt trời của Công ty tập trung chủ yếu vào khu vực Nam Trung Bộ với số giờ nắng đều từ khoảng 1.800 giờ/năm trở lên.

3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng (Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020).

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty

➤ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- + Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- + Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- + Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- + Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- + Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- + Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- + Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- + Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- + Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

➤ **Hội đồng Quản trị**

- + Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- + Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- + Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- + Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- + Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- + Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- + Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- + Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- + Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- + Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- + Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- + Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- + Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- + Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- + Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

➤ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát (“BKS”) của Công ty do ĐHCĐ bầu. Ban Kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- + Đề xuất, kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực

hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- + Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về hoạt động giám sát của mình.
- + Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- + Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- + Các quyền và nhiệm vụ khác theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

➤ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- + Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- + Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- + Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- + Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- + Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- + Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

➤ **Ban Quản lý vốn**

- + Quản lý giám sát nhóm Vật liệu xây dựng: Các công ty về gạch đá, vật liệu xây dựng;
- + Quản lý giám sát nhóm Pin, điện mặt trời: Các công ty điện, Pin năng lượng mặt trời;
- + Quản lý giám sát nhóm Nông nghiệp: Trang trại, trồng cây, nông sản, nước giải khát;
- + Quản lý giám sát dự án khác;
- + Điều hành trực tiếp các công ty vệ tinh;
- + Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo phân công của HĐQT và Tổng Giám đốc.

➤ **Phòng Đầu tư**

- + Chủ trì tìm kiếm các cơ hội đầu tư, tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về quyết định đầu tư, quản lý quá trình đầu tư; quản lý giám sát các hạng mục dự án đầu tư;

+ Thường xuyên báo cáo cấp trên về tình hình hoạt động của các công ty thành viên, giám sát chặt chẽ hoạt động của công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác. Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về quy chế quản lý đầu tư.

➤ **Phòng Tổ chức Hành chính**

+ Chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc và thực hiện các hoạt động liên quan đến việc tổ chức, quản lý hành chính, quản lý nhân sự, lao động tiền lương;

+ Tư vấn, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng quy trình/quy định/quy chế, chính sách liên quan đến hành chính, nhân sự;

+ Thực hiện thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ, chính sách cho nhân viên theo Luật Lao động Việt Nam và quy định của Công ty;

+ Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tuyển dụng và đào tạo nhân sự, quản lý hồ sơ nhân sự;

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy/quy định của Công ty;

+ Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở việc thực hiện 5S để đảm bảo môi trường làm việc luôn được sạch sẽ, chuyên nghiệp;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy nhân sự của Công ty;

+ Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;

+ Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;

+ Tổ chức quản lý, sử dụng con dấu của Công ty đúng quy định của pháp luật;

+ Giúp Ban Tổng giám đốc trong việc lễ tân, tiếp khách;

+ Chăm sóc sức khỏe CNCNV trong toàn Công ty, cấp cứu sơ cứu bệnh nhân; hàng năm mua và theo dõi bảo hiểm y tế cho CBCNV Công ty;

+ Các công việc khác theo chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ **Phòng Kế toán Tài chính:**

+ Thực hiện công tác tài chính, kiểm toán nội bộ, quản lý tài sản, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty;

+ Lập kế hoạch thu, chi tài chính hàng năm của Công ty, tham mưu cho Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt để làm cơ sở thực hiện;

+ Chủ trì thực hiện nhiệm vụ thu và chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ;

- + Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác và phát triển vốn của Công ty, quản lý, phân bổ, điều chuyển vốn và hoàn trả vốn vay, lãi vay của Công ty;
- + Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm đúng tiến độ và tham gia cùng với phòng nghiệp vụ của Công ty để hạch toán lỗ, lãi giúp cho Ban TGD Công ty nắm chắc nguồn vốn, lợi nhuận;
- + Lập Báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước phản ánh trung thực kết quả hoạt động của Công ty;
- + Phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ ... trong Công ty và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
- + Chủ trì làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, Ngân hàng và các đơn vị chức năng khác;
- + Lập hồ sơ vay vốn trung hạn, ngắn hạn Ngân hàng, lập kế hoạch và quy định huy động vốn từ các nguồn khác phục vụ cho công tác giải ngân thanh quyết toán cho các nhà thầu thi công;
- + Chủ trì hướng dẫn công tác hạch toán nghiệp vụ kế toán tài chính trong toàn Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, kiểm tra việc thực hiện chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài chính và các chế độ chính sách khác liên quan đến công tác tài chính, kế toán của Công ty;
- + Kiểm tra định kỳ về công tác kế toán, thực hiện chế độ chính sách, kỷ luật thu chi tài chính, kế toán vốn và các loại tài sản khác trong toàn Công ty nhằm thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước đã quy định.
- + Tham gia soạn thảo, thẩm định hồ sơ, theo dõi, kiểm tra tiến độ giải ngân, thanh quyết toán đối với các hợp đồng kinh tế trong Công ty cũng như nguồn vốn đầu tư cho các dự án, các công trình do Công ty làm chủ đầu tư và thực hiện.

➤ **Phòng Kinh doanh**

- + Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến bán hàng, marketing của Công ty;
- + Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, nghiên cứu tình hình môi trường kinh doanh;
- + Nghiên cứu các đối thủ cạnh tranh để xác lập định hướng chiến lược phát triển toàn diện của Công ty, các chính sách phát triển, các kế hoạch dài hạn;
- + Xây dựng chiến lược, chính sách marketing phù hợp với từng giai đoạn phát triển, từng sản phẩm, từng dịch vụ;

- + Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, chiến lược, chiến thuật nâng cao sức mạnh cạnh tranh của Công ty;
- + Chủ trì lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng tháng, quý, năm và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty;
- + Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty;
- + Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm;
- + Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ kiểm tra theo dõi các công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- + Quản lý các hợp đồng kinh tế (quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, thanh lý hợp đồng);
- + Phối hợp với phòng Kế toán trong việc thanh toán hợp đồng và thu hồi nợ;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc phân công;

3.3 Các công ty con, công ty liên kết



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của CRC tại thời điểm hiện tại

TT	Tên công ty	Số giấy ĐKKD	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của CRC	Tỷ lệ biến quyết của CRC
1	CTCP Công nghệ CRC	0108830599	Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Sản xuất linh kiện điện tử	206	99,98%	99,98%
1.1 (gián tiếp)	CTCP Canadian Solar Việt Nam	0109234447	Tầng 2, BT4.2, Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	98,9%	98,9%
1.2 (gián tiếp)	CTCP CRC Power	0109182037	Tầng 3, Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	20	98,9%	98,9%
1.3 (gián tiếp)	CTCP CRC Invest	0109182012	Tầng 2, Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.	Sản xuất điện mặt trời	20	98,9%	98,9%

<i>1.4</i> (gián tiếp)	<i>CTCP cung cấp năng lượng điện mặt trời</i>	<i>0109328335</i>	Tầng 1, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>10</i>	<i>98,0%</i>	<i>98,0%</i>
<i>1.5</i> (gián tiếp)	<i>CTCP Vinasolar Đồng Tháp</i>	<i>0109322171</i>	Số 140 Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>10</i>	<i>95,0%</i>	<i>95,0%</i>
<i>1.6</i> (gián tiếp)	<i>CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh</i>	<i>6101268004</i>	Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>10</i>	<i>95,0%</i>	<i>95,0%</i>
<i>1.7</i> (gián tiếp)	<i>CTCP Jinca Việt Nam</i>	<i>0109328261</i>	P301, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>20</i>	<i>96,9%</i>	<i>96,9%</i>
<i>1.8</i> (gián tiếp)	<i>CTCP Xây lắp điện Lâm Đồng</i>	<i>0109328328</i>	P202, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>10</i>	<i>97,0%</i>	<i>97,0%</i>
<i>1.9</i> (gián tiếp)	<i>CTCP Elecsun Việt Nam</i>	<i>0109328310</i>	P201, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	<i>Sản xuất điện mặt trời</i>	<i>10</i>	<i>93,2%</i>	<i>93,2%</i>

1.10 (gián tiếp)	CTCP Vinasolar Bảo Lộc	5801441598	Lô CN6, Khu Công nghiệp Lộc Sơn,, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng	Sản xuất điện mặt trời	40	99,5%	99,5%
1.11 (gián tiếp)	CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	0109328303	P302, BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	96,0%	96,0%
1.12 (gián tiếp)	CTCP Năng lượng xanh Kosun	6101268011	Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất điện mặt trời	10	96,9%	96,9%
1.13 (gián tiếp)	CTCP Resun Việt Nam	0109322196	Số 140 Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời	10	97,0%	97,0%

4 Định hướng phát triển

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- + Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông;
- + Công ty định hướng phát triển theo lĩnh vực năng lượng tái tạo và phát triển bền vững hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường. Công ty tiếp tục kinh doanh tấm Pin năng lượng mặt trời; xây dựng năng lực trở thành nhà thầu thi công EPC và vận hành dự án điện năng lượng mặt trời uy tín;
- + Tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng (gạch, thép ...) và nông sản (cao su, điều...) bằng cách: Giữ vững và phát triển thị trường đầu vào nhằm ổn định được hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường công tác tìm kiếm và phát triển thị trường đầu ra, đặc biệt là các khách hàng mới.
- + Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ mua lại nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời.

➤ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

🚩 Chiến lược ngành hàng:

- + Tập trung phát triển ngành năng lượng sạch (chủ yếu là điện mặt trời), từng bước trở thành tập đoàn kinh tế đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất pin và sản xuất điện ở Việt Nam;
- + Nghiên cứu mở rộng quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh
- + Mở rộng thị trường tiêu thụ ra các thị trường lớn trên thế giới như Mỹ, EU,....
- + Xây dựng triển khai các kênh bán hàng mới, bắt kịp với xu hướng phát triển chung của thị trường. Đưa các sản phẩm mang thương hiệu CRC đến tay người tiêu dùng trên cả nước;

🚩 Chiến lược quản trị

- + Quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp với mục tiêu phát triển bền vững;
- + Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động;
- + Đào tạo, phát triển bộ máy nhận lực chất lượng cao;

5 Các rủi ro của doanh nghiệp

5.1 Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố nội tại bên trong doanh nghiệp mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố môi trường

bên ngoài doanh nghiệp như: sự tăng trưởng của nền kinh tế, lạm phát, các chính sách lãi suất,...

➤ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Việt Nam tăng 8,02 % so với cùng kỳ năm trước, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Với tốc độ tăng trưởng như trên, Việt Nam được xếp hạng là một trong những quốc gia có tốc độ hồi phục cao nhất trên thế giới trong năm 2022. Nhận thấy những cơ hội và thách thức mở ra khi Việt Nam là điểm đến của làn sóng dịch chuyển đầu tư và sản xuất trên toàn cầu do ảnh hưởng của chiến tranh kinh tế, tạo động lực phát triển cho nền kinh tế, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho Ban Tổng giám đốc xu hướng trong tương lai và những tác động đến lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

➤ **Lạm phát**

Lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là các chi phí nguyên liệu, nhân công,... Để giảm thiểu các rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty luôn tìm cách khai thác và đa dạng hóa các nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu, nhân công và chi phí xây dựng khác để có được cơ hội tiếp cận đến nguồn chi phí thấp nhất, đồng thời nghiên cứu, triển khai biện pháp thi công, thiết kế tối ưu nhất để tiết kiệm chi phí.

➤ **Rủi ro tỷ giá**

Trong ba mảng hoạt động chính, hoạt động kinh doanh nông sản của CRC là lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tỷ giá vì một phần thị trường kinh doanh của Công ty tập trung vào các đối tác nước ngoài. Trong trường hợp tỷ giá tăng, lĩnh vực xuất khẩu nông sản sẽ được hưởng lợi do đồng nội tệ VNĐ bị mất giá so với đồng ngoại tệ, tăng năng lực cạnh tranh hàng Việt Nam xuất khẩu. Ngược lại, trong trường hợp tỷ giá giảm, việc xuất khẩu nông sản chịu ảnh hưởng xấu. Do vậy, để chủ động và hạn chế rủi ro về tỷ giá, CRC luôn theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường, đồng thời tạo mối quan hệ với khách hàng, đối tác lâu năm. Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

➤ **Rủi ro lãi suất**

Với mô hình kinh doanh hiện nay của CRC, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Việc sử dụng các khoản vay, công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh có lãi suất, đặt ra những thách thức cho Công ty về quản trị rủi ro lãi suất, đặc biệt là trong bối cảnh lạm phát tăng cao, nền kinh tế chịu tác động bởi những ảnh hưởng của việc thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt. Việc quản trị tốt rủi ro lãi suất giúp đảm bảo quản lý hiệu quả chi phí lãi vay. Do

vậy, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất.

➤ **Rủi ro về luật pháp**

CRC là doanh nghiệp niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán... Trong những năm gần đây, để đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, Chính phủ đã ký kết nhiều hiệp định và các văn bản Luật cũng đã dần được ban hành, cập nhật mới. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Vì vậy, CRC luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

5.2 **Rủi ro đặc thù**

➤ **Rủi ro từ măng sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh nông sản**

Nguyên vật liệu:

Đối với các nguyên liệu nông sản, vật liệu xây dựng được nhập trực tiếp từ nhà cung cấp như cao su, điều, gạch Ceramic..., việc kiểm soát rủi ro tăng giá đối với Công ty là khó khăn, do không chủ động được về nguồn sản xuất nguyên liệu. Vì vậy, CRC đã luôn chú trọng đến việc nghiên cứu thị trường để nắm bắt các biến động của thị trường, từ đó đưa ra các quyết định về giá bán phù hợp, cạnh tranh với thị trường, mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

Rủi ro cạnh tranh:

Đối với thị trường sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: sản phẩm gạch tiêu thụ theo từng vùng nên các lò sản xuất gạch của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp cùng ngành nói chung cũng được phân bố rải trải khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, mang lại sự cạnh tranh rất gay gắt. Để có thể giữ được vị thế trên thị trường, CRC đã không ngừng đa dạng các loại hàng hóa, cập nhật những xu hướng mới của thị trường vật liệu xây dựng đồng thời có những cải tiến về kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo, nâng cao được chất lượng sản phẩm; Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức hệ thống tiêu thụ sản phẩm đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với thị trường nông sản: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài từ năm 2019 đến nay, mảng kinh doanh này của Công ty đã trở nên vô cùng khó khăn khi lượng cung vượt quá cầu, lại thêm các rào cản về việc thông quan, xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các nước trên thế giới. Năm 2022, đại dịch đã được đẩy lùi, nhưng tình hình xuất nhập khẩu vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh Nga – Ucraina.

Để hạn chế rủi ro cạnh tranh, CRC đã chủ động xây dựng chiến lược cạnh tranh phù hợp mang lại các sản phẩm chất lượng cao, giá thành phù hợp với nhiều nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

➤ **Rủi ro từ mảng năng lượng tái tạo**

🏠 **Chính sách của Nhà nước:**

- **Cắt giảm giá điện:**

Hiện nay, Bộ công thương đang hoàn tất dự thảo cơ chế giá điện mặt trời áp mái thay thế cho cơ chế tại Quyết định 13 và dự kiến giá điện mặt trời áp mái sẽ còn khoảng 5,3 - 5,8 cent/kWh, giảm khá sâu so với mức 8,38 cent/kWh. Chiến lược của CRC trong giai đoạn tiếp theo chờ phê duyệt quy hoạch điện VIII và cơ chế giá điện mới thay thế Quyết định 13, là mua lại các Dự án điện mặt trời áp mái đã đi vào hoạt động và được hưởng mức giá ưu đãi. Với kinh nghiệm và năng lực triển khai các Dự án, CRC nhận định có thể tìm được các cơ hội đầu tư trong giai đoạn chờ phê duyệt chính sách mới.

- **Cắt giảm công suất:**

Sự bùng nổ của các dự án điện mặt trời mặt đất và áp mái trong năm 2020 có thể gây rủi ro cắt giảm công suất điện mặt trời. Sự phát triển quá nhanh của các dự án điện tái tạo khiến lưới điện đầu tư không theo kịp làm nhiều nhà máy phải giảm phát tới 60% công suất. Về vấn đề này, Bộ Công thương đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia tính toán và công bố mức điều tiết giảm công suất huy động của các nhà máy điện, chỉ huy thực hiện, phù hợp cơ cấu nguồn điện đang phát, công suất truyền tải giữa các vùng, miền, mức dự phòng quay và dự phòng khởi động nhanh cần thiết. Đối với các dự án điện mặt trời do CRC và công ty con quản lý vận hành, do 100% là dự án điện mặt trời áp mái tại các khu vực ít bị quá tải đường truyền, nên tại dự án điện mặt trời áp mái ghi nhận cắt giảm điện chưa đáng kể trong năm 2022.

🏠 **Tiến độ triển khai dự án:**

Các chính sách khuyến khích đối với các dự án năng lượng tái tạo hiện đang khá hấp dẫn, tuy nhiên, khoảng thời gian đề hưởng ưu đãi khá ngắn đã tạo ra rủi ro đối với các dự án không thể hoàn thành kịp tiến độ. Ngoài ra, các địa phương có tiềm năng phát triển điện sạch cũng chưa quy hoạch sử dụng đất cho loại hình mới này dẫn đến việc mất thời gian, thủ tục cho bổ sung quy hoạch. Hiện nay, các địa phương vẫn chưa có quy trình về công bố thông tin dự án cho các nhà đầu tư mà chủ yếu các nhà đầu tư vẫn tự tìm địa điểm để xin cấp phép đầu tư gây ra sự chông chéo quy hoạch, khó triển khai dự án. Để hạn chế những bất cập này, Công ty luôn khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng các dự án trước khi đầu tư, đồng thời tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách, quy hoạch tại địa phương và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục pháp lý của dự án để tiến độ triển khai không bị gián đoạn.

🏠 **Thời tiết**

Bức xạ mặt trời là yếu tố quyết định sản lượng điện của các nhà máy điện mặt trời. Bức xạ mặt trời ở các khu vực là khác nhau, phụ thuộc vào lượng mây, tầng khí quyển. Ngoài ra, số ngày không có nắng trung bình trong năm cũng liên quan đến bức xạ mặt trời, dẫn đến việc ắc-quy dự trữ điện năng sẽ bị kiệt và tải điện phải ngừng hoạt động. CRC và các công ty thành viên đã và đang tham gia một loạt dự án điện mặt trời áp mái. Để hạn chế rủi ro thời tiết, Công ty luôn thực hiện đánh giá điều kiện tự nhiên tại dự án, từ đó điều chỉnh kế hoạch vận hành nhà máy cũng như lên phương án hạn chế tối đa những thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi. Các dự án điện mặt trời của Công ty tập trung chủ yếu vào khu vực Nam Trung Bộ với số giờ nắng đều từ khoảng 1.800 giờ/năm trở lên.

CHƯƠNG II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	341.954	356.60	↑ 4%
Lợi nhuận trước thuế	11.933	21.322	↑ 79%
Lợi nhuận sau thuế	11.179	20.132	↑ 80%
Tỷ lệ cổ tức	6%	-	

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của CRC

1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất của CRC

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2022	Tăng giảm
Doanh thu thuần	369.088	421.735	↑ 14%
Lợi nhuận trước thuế	23.207	25.764	↑ 11%
Lợi nhuận sau thuế	22.464	24.537	↑ 9%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của CRC

1.3 Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị	Kế hoạch	Năm 2022	Hoàn thành
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.088,393	421,735	38,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90,362	25,764	28,5%

Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	86,154	24,537	28,5%
Cổ tức	%	8		

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2022

2 Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Dương Thị Huyền	24/04/1987	Tổng giám đốc	08/07/2020
2	Vũ Thị Thủy	06/06/1978	Kế toán trưởng	08/07/2020

(Trong năm doanh nghiệp không có bất kỳ thay đổi nào trong Ban Tổng giám đốc)

Bà Dương Thị Huyền – Tổng Giám đốc

- Họ và tên : Dương Thị Huyền
- Ngày sinh : 24/04/1987
- Số CMND : 001187000765
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2012 đến năm 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Từ năm 2013 đến năm 2015	Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha
Từ năm 2010 đến năm 2017	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2017 đến năm 2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Từ năm 2020 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc CTCP CRC Power Giám đốc CRCP CRC Invest
---------------------	--

👤 Bà Vũ Thị Thủy – Kế toán trưởng

- Họ và tên : Vũ Thị Thủy
- Ngày sinh : 06/06/1978
- Số CMND : 031091198
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T06/2002 đến T04/2006	Kế toán thuế - Công ty CP thép Hòa Phát
Từ T04/2016 đến năm 2016	Kế toán trưởng - Công ty CP đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Tân Hà An
Từ năm 2017 đến năm 2018	Kế toán trưởng – Công ty Nam Thành
Từ năm 2019 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2021 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Công nghệ CRC

2.2 Tình hình nhân sự của Công ty

👤 Cơ cấu nhân sự của CRC (Hợp nhất)

Loại lao động	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
I. Phân theo trình độ lao động	58	35	27
1. Trình độ trên đại học	1	1	1
2. Trình độ đại học	20	23	21

3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	2	0	0
4. Công nhân kỹ thuật	5	3	3
5. Lao động khác	30	8	2
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	58	35	27
1. Lao động không xác định thời hạn	50	33	26
2. Lao động trong thời gian thử việc	8	2	1
Tổng	58	35	27

Nguồn: CTCP Create Capital Việt Nam

Chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo và văn hóa doanh nghiệp: Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để các CBCNV của Công ty có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực làm việc độc lập và năng lực làm việc tập thể của người lao động. Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo quy trình chặt chẽ.

- Chính sách tuyển dụng: Công ty có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín; chính sách trả công minh bạch, đảm bảo đời sống cho người lao động. Ngoài ra, Công ty sử dụng hiệu quả quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi động viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hóa doanh nghiệp.

- Chính sách về thời gian làm việc, các chế độ phúc lợi: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính, không quá 04 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày đối với lái xe, nhân viên phục vụ. Các chế độ về thời gian nghỉ lễ, phép, thai sản ... được đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty đã xây dựng văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ tiện nghi cần thiết phục vụ nhân viên trong khi làm việc. Công đoàn Công ty chăm lo đến đời sống tinh thần cho người lao động trong Công ty, tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ, phong trào thể thao, du lịch, văn thể mỹ ... đều được đảm bảo.

- Chính sách về tiền lương: Công ty xây dựng quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật. Hệ số lương của người lao động được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc, thâm niên của người lao động; Công ty tổ chức khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích người lao động cống hiến cho Công ty. Các chế độ y tế, bảo hiểm xã hội, thuế... đều được Công ty đảm bảo thực hiện theo các quy định hiện hành.

3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Tình hình đầu tư

Thực hiện chủ trương và định hướng chiến lược mới của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã sàng lọc để tập trung đầu tư vào các dự án được kỳ vọng đem lại hiệu quả cao trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đồng thời kiểm soát chặt chẽ được vốn đầu tư của mình.

Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ để thực hiện mua lại Công ty cổ phần CRC Solar Cell (Công ty đang sản xuất pin năng lượng mặt trời) nhằm thực hiện mục tiêu trở thành tập đoàn kinh tế mạnh trong lĩnh vực điện năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, hồ sơ phát hành cổ phiếu của Công ty vẫn chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt nên việc mua lại nhà máy đang bị chậm trễ.

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Trường Sơn để tập trung vào quản lý và vận hành các dự án điện mặt trời áp mái.

Bảng 1: Tình hình thoái vốn, đầu tư mới 2022

	Danh mục	Giá trị (triệu đồng)
I	Thoái vốn đầu tư	34.217
1	Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	15.923
2	Công ty TNHH Trường Sơn	18.294
II	Đầu tư mới	0

3.2 Hiệu quả đầu tư

Hiện nay CRC không trực tiếp quản lý và đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời nhưng thông qua Công ty con là Công ty CP Công nghệ CRC (CRC Tech). Hiệu quả đầu tư mà CRC Tech mang lại là doanh thu từ việc bán điện từ các dự án điện mặt trời do Công ty quản lý trực tiếp/gián tiếp. Các dự án điện mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận năm 2022 cụ thể như sau:

Đơn vị: Việt Nam đồng

STT	Tên Công ty	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công ty cổ phần Công nghệ CRC	17.304.319.980	19.327.710.852
2	Công ty cổ phần Canadian Việt Nam	3.273.245.290	1.497.088.693
3	Công ty cổ phần CRC Power	6.163.538.080	2.947.028.079
4	Công ty cổ phần CRC Invest	6.744.613.722	3.476.914.721

5	CTCP Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	2.844.995.811	1.125.005.179
6	CTCP Vinasolar Đồng Tháp	2.873.894.667	1.163.571.320
7	CTCP Xây lắp điện Lâm Đồng	3.310.805.659	1.442.595.038
8	CTCP Jince Việt Nam	5.949.838.951	2.529.009.530
9	CTCP Elecsun Việt Nam	3.220.085.666	1.360.078.681
10	CTCP Cung cấp năng lượng điện mặt trời	3.235.273.853	1.370.456.945
11	CTCP Vinasolar Báo Lộc	2.552.272.349	1.327.143.209
12	CTCP Resun Việt Nam	2.446.897.782	1.219.701.646
13	CTCP Năng lượng xanh Kosun	2.923.401.215	1.238.646.698
14	CTCP Điện Nhật Nguyên Xanh	2.909.485.012	1.153.481.497

4 Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	642.136.521.397	645.977.863.259	↑ 0,6%
Doanh thu thuần	369.087.805.784	421.735.616.888	↑ 14,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.535.645.943	26.008.479.994	↑ 107,5%
Lợi nhuận khác	10.670.973.496	(244.295.504)	↓ 102,3%
Lợi nhuận trước thuế	23.206.619.439	25.764.184.490	↑ 11%
Lợi nhuận sau thuế	22.463.805.597	24.537.056.504	↑ 9,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80%		

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 CRC đã được kiểm toán

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,66	1,63	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,05	1,34	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,46	0,42	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,84	0,73	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	3,59	7,55	
+ Vòng quay tổng tài sản:	0,57	0,65	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,09%	5,82%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,43%	6,57%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,5%	3,8%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,4%	6,17%	

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: **30.000.000** cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **30.000.000** cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **0** cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (CP)	Số cổ phần (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.231	29.891.130	298.911.300.000	99,64
1	Tổ chức	15	15.732	157.320.000	0,05
2	Cá nhân	3.216	29.875.398	298.753.980.000	99,59

II	Cổ đông nước ngoài	15	108.870	1.088.700.000	0,36
1	Tổ chức	6	98.570	985.700.000	0,33
2	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư NN nắm giữ trên 50% VDL ^(*)	-	-	-	-
3	Cá nhân	9	10.300	103.000.000	0,03
	Tổng cộng	3.246	30.000.000	300.000.000.000	100

6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Báo cáo tác động đến môi trường

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức:

- + Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng trong sản xuất tại các nhà máy là khoảng 5 đến 10%.
- + Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.
- + Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến không những nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm đáng kể nhiên liệu cho Công ty.

Tiêu thụ năng lượng

- + Lượng xăng dầu tiêu thụ của Công ty trong năm 2022 ước tính khoảng 30.552,24 lít. Việc tiêu thụ xăng dầu chủ yếu đến từ nhu cầu sử dụng các xe tải vận chuyển hàng hóa, các xe máy chuyên dụng dùng trong sản xuất, các phương tiện đi lại công tác trong vùng, định kỳ ghé thăm các đại lý bán hàng, v.v...
- + Lượng điện tiêu thụ trong năm của Công ty là 570.000 Kw.
- + Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả Công ty đã xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, điện trong sản xuất kinh doanh theo chính sách sử dụng hiệu quả tiết kiệm nhờ đó tổng năng lượng tiêu hao giảm đáng kể.

Tiêu thụ nước

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư. Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện kiểm tra,

đầu tư bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, dễ sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

+ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

+ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.2 Báo cáo tác động đến xã hội của Công ty

Báo cáo trách nhiệm với Người lao động

+ Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty là 8.000.000 đồng/người/tháng, và đây cũng là mức lương tương đương với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

+ Mọi quan hệ lao động giữa Công ty và người lao động được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo mọi quy định của pháp luật.

+ Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách lương thưởng, đãi ngộ và môi trường làm việc đối với người lao động thông theo như được ký kết.

+ Mọi quyền lợi của người lao động (đặc biệt là lao động nữ) đều được đảm bảo theo Bộ luật lao động và quy định của Nhà nước.

+ Công ty chú trọng đầu tư tạo ra môi trường làm việc đoàn kết bằng các hoạt động tổ chức du lịch, team building cho cán bộ nhân viên hàng năm, chúc mừng sinh nhật cho các nhân viên có sinh nhật trong tháng,.... Giúp cho người lao động gắn kết và phát huy được tinh thần làm việc tập thể.

+ Ngoài 12 tháng lương cơ bản, mỗi năm người lao động còn được thưởng thêm một tháng lương thứ 13 vào dịp Tết Âm lịch; Vào các ngày lễ Tết Dương lịch, Quốc tế lao động, Quốc Khánh ... hàng năm, tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động.

+ Về chương trình đào tạo người lao động: Hàng năm, công ty đều thực hiện đầu tư trang thiết bị và tổ chức các khóa huấn luyện bảo hộ lao động, đồng thời, tích cực thực hiện các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các cán bộ chuyên môn chủ chốt của Công ty thường xuyên được cử tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ như thuế, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ kế toán, kiểm toán để có thể hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ mà HĐQT, cũng như Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

+ Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao tới cộng đồng.

- + Là một đơn vị trong khu vực kinh tế tư nhân, Công ty đã đóng góp hơn 700 triệu tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong năm 2022.
- + Tạo ra công ăn việc làm và giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương.

CHƯƠNG III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 Tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 được trình bày tại chương II mục 1 cho thấy tất cả các chỉ số kinh doanh đều tăng so với cùng kỳ năm 2021, doanh thu tăng 14%, lợi nhuận sau thuế tăng 9%. Tuy nhiên, so với kế hoạch năm đề ra doanh thu và lợi nhuận còn rất thấp. Nguyên nhân do sự khó khăn chung của nền kinh tế, hệ quả sau dịch bệnh và đóng cửa toàn cầu, chiến tranh Nga – Ucraina ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình xuất khẩu nông sản của công ty. Các kế hoạch đầu tư, M&A nhà máy sản xuất pin của Công ty trong năm 2022 đều bị chậm trễ. Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tuy nhiên đến thời điểm kết thúc năm 2022, hồ sơ chào bán của Công ty vẫn chưa được Ủy ban Chứng khoán phê duyệt.

2 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/ Giảm %
I. Tình hình tài sản			
Tổng tài sản	642.136.521.397	645.977.863.259	↑ 0,6%
Tài sản ngắn hạn	262.377.153.301	277.921.149.180	↑ 6%
Tài sản dài hạn	379.759.368.096	368.056.714.079	↓ 3%
Tình hình nợ phải trả			
Tổng nợ phải trả	292.642.817.662	272.486.103.020	↓ 7%
Nợ ngắn hạn	158.431.286.587	170.755.816.655	↑ 8%
Nợ dài hạn	134.211.531.075	101.730.286.365	↓ 24%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Hợp nhất năm 2023

- Tổng tài sản của Công ty ghi nhận đến 31/12/2022 là 645.977.863.259 đồng, tăng 0,6 % so với thời điểm 31/12/2021. Cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng tăng tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao giúp doanh nghiệp dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt khi cần thiết. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 69,8 tỷ đồng tương đương tăng 67 % so với cùng kỳ năm trước, do trước tình hình cạnh tranh gay gắt, Công ty đã áp dụng nới lỏng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng

vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần, các khoản phải thu trong kỳ phần lớn là giao dịch ngắn hạn với các đối tác uy tín nên có khả năng thu hồi được công nợ đúng hạn. Thêm vào đó do tình hình lạm phát leo thang, giá nguồn nguyên vật liệu cho phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty có xu hướng gia tăng. Nên công ty phải ký kết các hợp đồng dài hạn và trả trước cho người bán để tránh biến đổi về giá.

- Tổng nợ của Công ty ghi nhận đến 31/12/2023 là 292.642.817.662 đồng giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Cơ cấu nợ của Công ty chuyển dịch theo hướng tăng các khoản nợ ngắn hạn và giảm các khoản nợ dài hạn. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, nên Công ty phải tiến hành thực hiện các khoản vay ngắn hạn để trả trước cho người bán để tránh tăng giá nguyên vật liệu.

3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2022, công ty giữ nguyên cơ cấu tổ chức, chính sách đồng bộ nhất quán theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Công ty đang dần chuyển hướng vận hành sang đánh giá xếp loại Cán bộ nhân viên, từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá hiệu quả làm việc của từng phòng ban, cá nhân và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho Người lao động.

- Công ty đang thử nghiệm áp dụng công nghệ số vào quản lý doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý.

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tăng cường công tác quản lý nguồn vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, căn cứ trên kết sản xuất kinh doanh năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tiến hành giao kế hoạch (doanh thu, lợi nhuận,...) đến từng Nhà máy, Phòng ban.;

- Duy trì, vận hành các dự án đang quản lý để đảm bảo lợi nhuận tốt từ các dự án.

- Triển khai M&A nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời phát triển sản phẩm pin do người Việt Nam sản xuất vươn ra thị trường thế giới;

- Xây dựng thương hiệu các sản phẩm CRC trở thành thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế;

- Tập trung công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên. Khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nhằm nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng các yêu cầu của công việc;

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động, các mặt hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tốt và đúng định hướng. Tuy không đạt được mức tăng trưởng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 nhưng Công ty vẫn tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao.

Về vấn đề liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội: Trách nhiệm môi trường luôn được Công ty coi trọng và đề cao trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, phúc lợi xã hội. Người lao động trong Công ty được đảm bảo việc làm, tiến bộ và cơ thu nhập cao.

2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2022 là năm đầu tiên các hoạt động kinh tế - xã hội trở lại bình thường sau đại dịch Covid-19, là năm doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức: lạm phát, lãi suất tăng cao, khan hiếm nguồn cung nguyên vật liệu, đứt gãy chuỗi cung ứng... Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực không ngừng của Ban Tổng giám đốc trong mọi lĩnh vực công tác: sản phẩm, kinh doanh và các dịch vụ hỗ trợ, quản trị điều hành. Từ chiến lược của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã chủ động xây dựng các chương trình hành động, bám sát thị trường. Kết quả năm 2022, tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nhưng cũng đã nỗ lực duy trì sự phát triển ổn định của doanh nghiệp trong thời buổi kinh tế có nhiều khó khăn thách thức. Tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, bảo đảm hiệu quả đầu tư cho các cổ đông. Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng giám đốc đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT.

3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với công ty cổ phần, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết;
- Duy trì các phiên họp thường kỳ hàng quý để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đạt hiệu quả;

- Thực hiện CBTT minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả đối với từng khoản đầu tư tài chính hiện hữu. Tái cấu trúc lại hoạt động đầu tư nếu xét thấy cần thiết để đảm bảo hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước

CHƯƠNG V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông Mai Anh Tám	25/03/1967	027067000131	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Trung Kiên	29/09/1981	013251012	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Phạm Văn Trường	14/05/1981	024081002452	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Lê Thành Nhân	20/08/1952	001052007714	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
5	Bà Dương Thị Huyền	24/04/1987	001187000765	Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên : Mai Anh Tám
- Ngày sinh : 25/03/1967
- Số CMND : 027067000131
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1997 đến năm 2000	Trưởng chi nhánh kinh doanh Miền Trung Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hà Nội Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera

Từ năm 2000 đến năm 2002	Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Liên doanh Yên Hà Viglacera, thuộc Tổng Công ty Viglacera
Từ năm 2002 đến năm 2010	Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến, thuộc Tổng công ty Viglacera
Từ năm 2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá Lại Chủ tịch HĐQT CTCP Hãng Sơn Đông Á

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá Lại
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hãng sơn Đông Á
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 2.000.000 cổ phần (tương ứng với 6,67% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) VDL
Mai Anh Đức	Con ruột	1.404.480	4,68


 **Ông Hoàng Trung Kiên – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : Hoàng Trung Kiên
- Ngày sinh : 29/09/1981
- Số CMND : 013251012
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2 - Bằng A - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
-----------	---------

Từ T09/2003 đến T04/2007	Kế toán Tổng hợp CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T04/2007 đến T03/2010	Phó phòng kế toán CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T04/2010 đến T03/2011	Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Viglacera Bá Hiến
Từ T03/2011 đến năm 2013	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Hưng Long
Từ năm 2013 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Eco Green Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần (tương ứng với 0,015% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.


 **Ông Phạm Văn Trường – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : Phạm Văn Trường
- Ngày sinh : 14/05/1981
- Số CMND : 024081002452
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Khu 10, Đại Phúc, Bắc Ninh
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
2006-2011	Kỹ sư Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
2011-2016	Giám đốc Công ty cổ phần Hưng Long
Từ năm 2016 đến nay	Giám đốc CTCP Hoàng Minh
Từ 5/2022 đến nay	Giám đốc CTCP Hoàng Minh

	Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam
--	--

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Hoàng Minh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

 **Ông Lê Thành Nhân – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : Lê Thành Nhân
- Ngày sinh : 20/08/1952
- Số CMND : 001052007714
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : CH. 704 A, CC Cao Cấp Sông Đà, 110 Trần Phú, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Giáo sư Tiến sĩ khoa học Toán Tin
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1968 đến năm 1978	Nghiên cứu viên, Viện Kỹ Thuật Quân Sự, Bộ Quốc phòng
Từ năm 1979 đến năm 1986	Nghiên cứu sinh, du học tại Pháp
Từ năm 1987 đến năm 2017	Giáo sư Tiến sĩ Khoa học, Đại học Sophia-Antipolis, Pháp
Từ năm 2018 đến năm 2020	Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc tế DNIIT, Đại Học Đà Nẵng
Từ năm 2020 đến nay	Viện trưởng Viện Công nghệ Quốc tế DNIIT, Đại Học Đà Nẵng Thành viên HĐQT Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Viện trưởng Viện Công Nghệ Quốc tế DNIT, Đại học Đà Nẵng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng với 0% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

 **Bà Dương Thị Huyền – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : Dương Thị Huyền
- Ngày sinh : 24/04/1987
- Số CMND : 001187000765
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Thôn Thu Quế, xã Song Phượng, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2012 đến năm 2013	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam
Từ năm 2013 đến năm 2015	Kế toán trưởng nhà máy gạch Tuynel Alpha
Từ năm 2010 đến năm 2017	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2017 đến năm 2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam
Từ năm 2020 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Create Capital Việt Nam Giám đốc CTCP Công nghệ CRC Giám đốc CTCP CRC Power Giám đốc CRCP CRC Invest

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- + Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Công nghệ CRC
- + Giám đốc CTCP CRC Power
- + Giám đốc CTCP CRC Invest
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 650.000 cổ phần (tương ứng với 2,17% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Anh Tâm	12/12	100%	
2	Bà Dương Thị Huyền	12/12	100%	
3	Ông Hoàng Trung Kiên	12/12	100%	
4	Ông Lê Thành Nhân	12/12	100%	
5	Ông Phạm Văn Trường	11/12	91,66%	Được bổ nhiệm từ 9/4/2022
6	Ông Nguyễn Lâm Tùng	1/12	8,33%	Miễn nhiệm từ ngày 9/4/2022

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng chức năng, thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty:

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc qua các cuộc họp trực tiếp của HĐQT, cuộc họp giao ban hàng tuần/tháng của Ban Tổng Giám đốc và các Báo cáo hoạt động định kỳ;
- HĐQT tổ chức làm việc trực tiếp theo những vấn đề xét thấy cần thiết, có sự phân công rõ ràng cho Ban Tổng giám đốc triển khai và thực hiện công việc.
- Đảm bảo tất cả các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng pháp luật, chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): Không có

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022:**

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	802/2022/CRC/NQ-HĐQT	08/02/2022	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	5/5
2	55/2022/CRC/NQ-HĐQT	05/05/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022 và đảm bảo phương án phát hành chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	5/5
3	0806/2022/CRC/NQ-HĐQT	08/06/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2022	5/5
4	147/2022/CRC/NQ-HĐQT	14/07/2022	Thông qua giao dịch của Công ty với các bên có liên quan	5/5
5	20/07/2022/CRC/NQ-HĐQT	20/07/2022	Thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ	5/5
6	20.07/2022/CRC/NQ-HĐQT	20/07/2022	Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 và điều chỉnh nội dung nghị quyết số 55/2022/CRC/NQ-HĐQT ngày 05/05/2022	5/5
7	21.07/2022/CRC/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	5/5
8	21/07/2022/CRC/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ	5/5
9	1210/2022/CRC/NQ-HĐQT	12/10/2022	Thông qua việc thoái vốn ở Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	5/5
10	1310/2022/CRC/NQ-HĐQT	13/10/2022	Thông qua việc điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022	5/5

11	29/11/2022/CRC/NQ -HDQT	29/11/2022	Thông qua việc thoái vốn lần 1 tại công ty TNHH Trường Sơn	5/5
12	01/12/2022/CRC/NQ -HDQT	01/12/2022	Thông qua việc thoái vốn lần 2 tại công ty TNHH Trường Sơn	5/5

2 Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Danh sách Kiểm soát viên của CRC

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Huế	19/07/1993	122118679	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Hà Thị Hiến	06/02/1985	019185001019	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Nguyễn Văn Nhu	15/05/1986	135194349	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Phạm Thị Huế
- Ngày sinh : 19/07/1993
- Số CMND : 122118679
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Cẩm Lý, Lục Nam, Bắc Giang
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2018 đến năm 2019	Nhân viên kế toán – CTCP Create Capital
Từ năm 2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 725.000 cổ phần (tương ứng với 2,42% Vốn điều lệ).

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC:

Cá nhân/Tổ chức	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) VDL
Phạm Văn Bình	Bố ruột	100	0,00033
Đào Thị Liên	Mẹ ruột	100	0,00033

👤 Bà Hà Thị Hiến – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Hà Thị Hiến
- Ngày sinh : 06/02/1985
- Số CMND : 019185001019
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Khu 8 Vũ Yên – Thanh Ba – Phú Thọ
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2016 đến T01/2017	Kế toán viên – Công ty CP Haceco
Từ T02/2017 đến T06/2017	Phó giám đốc – Công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum
Từ T07/2017 đến T06/2018	Phó giám đốc Công ty TNHH Trường Sơn
Từ T06/2018 đến T07/2018	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn
Từ T07/2018 đến năm 2020	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn Giám đốc Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ năm 2020 đến nay	Kiểm soát viên Công ty TNHH Trường Sơn Kế toán – Công ty TNHH Vận tải Lucky Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần (tương ứng với 0,00033% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

Ông Nguyễn Văn Nhu – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Văn Nhu
- Ngày sinh : 15/05/1986
- Số CMND : 135194349
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Xã Kim Xá, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại cơ quan : 024.6292.5566
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ T12/2015 đến T06/2020	Kế toán trưởng công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc
Từ T06/2020 đến Nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Create Capital Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Gạch ngói Vĩnh Phúc
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần (tương ứng với 0,006% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của CRC, người nội bộ của CRC: Không có.

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
-----	----------------	---------------------	-------------------	------------------	-------------------------

1	Phạm Thị Huệ	4/4	100%	100%	
2	Hà Thị Hiền	4/4	100%	100%	
3	Nguyễn Văn Nhu	4/4	100%	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban Kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể các công việc bao gồm:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đúng các chức năng, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật;
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty;
- Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng giám đốc Công ty cung cấp;
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật, bao gồm: nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm và các nghĩa vụ tài chính khác;
- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán bán niên và báo cáo tài chính kiểm toán năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, thẩm định các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát thường xuyên giám sát và phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc như cung cấp thông tin tài liệu, Ban Kiểm soát đã kiểm tra rà soát các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như tình hình phát triển của công ty.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm

vụ, cũng như không nhận được bất kỳ thư, đơn kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Hãng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và thẩm định Báo cáo tài chính, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.

Kiểm tra các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động), nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ và ngoài công ty.

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương và thù lao	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		252.000.000	
1	Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	76.000.000	
2	Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	24.000.000	
3	Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	76.000.000	
4	Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	76.000.000	
5	Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	76.000.000	Miễn nhiệm 9/4/2022
6	Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	0	Bỏ nhiệm 9/4/2022
II	Ban Kiểm soát		94.186.182	
1	Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	75.596.916	
2	Nguyễn Văn Nhu	Thành viên BKS	8.196.422	
3	Hà Thị Hiền	Thành viên BKS	10.392.844	
III	Ban Tổng giám đốc		211.022.474	
1	Dương Thị Huyền	Tổng giám đốc	105.761.237	
2	Vũ Thị Thủy	Kế toán trưởng	105.261.237	

3.2 *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có*

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			41,127,461,006
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Bán hàng hóa	16,902,617,855
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022	Bán hàng hóa	1,901,460,000
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của TGD từ ngày 09/03/2022	Bán hàng hóa	2,594,442,000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Bán hàng hóa	13,739,222,000
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Bán hàng hóa	5,989,719,151
Mua hàng			29,901,809,800
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	15,714,780,000
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Mua hàng hóa	192,071,600
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Mua hàng hóa	13,796,000,000
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT	Thuê đất	198,958,200
Đặt cọc			4,310,000,000
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HDQT	Đặt cọc tiền thuê đất	4,310,000,000
Vay			0
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Vay	400,000,000
		Trả tiền vay	400,000,000
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	Vay	19,500,000,000
		Trả tiền vay	19,500,000,000

CHƯƠNG VI. BẢO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCK;
- HOSE;
- Lưu: TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



MAI ANH TÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2022
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	Bỏ nhiệm từ ngày 09/04/2022

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huế	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0904/2022/CRC/BB-ĐHCD ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (*Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng trả chi trả cổ tức bằng cổ phiếu*). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 1507/2020/CRC-GUQ
ngày 10/07/2020 của CT.HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 15/2023/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 31/03/2023 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Hà

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1387-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Trang

Nguyễn Quỳnh Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.921.149.180	262.377.153.301
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.177.886.751	35.790.959.278
1. Tiền	111		16.177.886.751	15.790.959.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	400.000.000	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.459.648.880	103.641.467.132
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.301.708.626	4.339.140.137
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	100.040.252.002	87.879.601.476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	37.939.232.204	11.422.725.519
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.8	(821.543.952)	-
IV. Hàng tồn kho	140		49.474.640.835	95.795.887.453
1. Hàng tồn kho	141	5.7	49.474.640.835	95.795.887.453
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.408.972.714	27.048.839.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	151.188.121	45.121.741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.257.784.593	27.003.717.697
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.056.714.079	379.759.368.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.450.000.000	38.140.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	42.450.000.000	38.140.000.000
II. Tài sản cố định	220		274.289.313.569	279.542.553.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	274.289.313.569	279.542.553.794
- Nguyên giá	222		308.183.572.194	296.189.342.180
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(33.894.258.625)	(16.646.788.386)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		44.005.124.330	20.975.428.504
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	44.005.124.330	20.975.428.504
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	6.790.000.000	41.007.950.023
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	34.217.950.023
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		522.276.180	93.435.775
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	504.531.755	49.063.296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	17.744.425	44.372.479
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		645.977.863.259	642.136.521.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		272.486.103.020	292.642.817.662
I. Nợ ngắn hạn	310		170.755.816.655	158.431.286.587
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	10.031.876.076	23.732.258.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	1.307.392.640	23.070.205.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.458.951.671	1.232.872.602
4. Phải trả người lao động	314		-	218.906.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	552.695.743	300.491.008
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	115.989.115
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	967.450.500	2.469.710.000
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	156.437.450.025	107.290.853.227
II. Nợ dài hạn	330		101.730.286.365	134.211.531.075
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		204.711.241	221.862.397
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	101.525.575.124	133.989.668.678
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		373.491.760.239	349.493.703.735
I. Vốn chủ sở hữu	410		373.491.760.239	349.493.703.735
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.794.531.547	33.853.430.460
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.775.430.460	11.530.775.098
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.019.101.087	22.322.655.362
4. Lợi ích cổ đông không kiểm	429		5.051.623.767	4.994.668.350
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		645.977.863.259	642.136.521.397

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THUÝ

DUƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	421.735.616.888	369.087.805.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	421.735.616.888	369.087.805.784
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	373.653.166.138	343.727.819.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.082.450.750	25.359.986.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.301.466.257	3.282.621.896
7. Chi phí tài chính	22	6.4	16.690.029.320	10.395.129.323
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.440.264.937	10.385.060.081
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	402.720.715
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.382.364.850	1.798.638.947
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.303.042.843	4.315.915.174
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.008.479.994	12.535.645.943
12. Thu nhập khác	31	6.7	709.663.467	10.706.328.549
13. Chi phí khác	32	6.7	953.958.971	35.355.053
14. Lợi nhuận khác	40		(244.295.504)	10.670.973.496
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.764.184.490	23.206.619.439
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	1.200.499.932	754.335.102
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.6	26.628.054	(11.521.260)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.537.056.504	22.463.805.597
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		24.019.101.087	22.322.655.362
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		517.955.417	141.150.235
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	801	1.275
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	294	1.275

LỢI THỪA TÀI CHÍNH

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THỦY NGA

VŨ THỊ THỦY

DUYỆT THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.764.184.490	23.206.619.439
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		17.247.470.239	8.613.141.596
- Các khoản dự phòng	03		821.543.952	(245.626.755)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.672.907)	(16.945.321)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.238.333.590)	(2.304.686.996)
- Chi phí lãi vay	06		16.440.264.937	10.385.060.081
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		58.990.457.121	39.637.562.044
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.231.201.700)	62.933.217.055
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46.123.581.279	106.710.637.678
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(39.571.793.930)	(315.129.606.475)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(561.534.839)	(41.276.416)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.169.816.023)	(10.222.364.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(754.335.102)	(1.422.561.129)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(4.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(174.643.194)	(117.539.292.080)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(33.935.490.788)	(51.391.051.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	363.636.364
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(400.000.000)	(81.733.036.300)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100.000.000	162.633.036.300
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.2	10.775.000.000	17.761.667.561
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		507.829.970	3.130.310.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.952.660.818)	(73.811.123.043)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	149.998.900.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	373.479.032.767	358.512.526.697
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(356.920.470.802)	(309.496.919.494)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(69.990.291)	(7.104.549.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.488.571.674	191.909.957.703
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(6.638.732.338)	559.542.580
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.790.959.278	35.233.178.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		25.659.811	(1.762.139)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		29.177.886.751	35.790.959.278

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THỦY NGA

VŨ THỊ THUÝ

DUƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2022 là 27 người (*tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2021 là 35 người*).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chỉ tiết sản xuất tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chỉ tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiếu sáng; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chỉ tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chỉ tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (Tiếp theo)**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty có 01 công ty con; Công ty cổ phần Công nghệ CRC; Trong đó: Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con (tổng cộng 14 công ty con), cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty con				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99%	99%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98%	95%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95%	95%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jince Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96%	96%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97%	97%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2022. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết

Là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không ký hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả, nợ phải thu: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả, nợ phải thu: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho (Tiếp theo)***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên.*Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:* Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ảnh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2022 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng Nhà máy pin Yên Bái; Khu đô thị CRC, Chi phí mua xe Vinfast; Chi phí xây dựng trang trại gà và Chi phí xây dựng Nhà máy sản xuất lưới thép.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận Vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí thuê đất và thuê kho phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2022, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi thanh lý các khoản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông lượng tài tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.948.734.702	6.087.670.093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.229.152.049	9.703.289.185
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	20.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	<u>13.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Tổng cộng	<u>29.177.886.751</u>	<u>35.790.959.278</u>

(i): Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 5,1%/ năm tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	400.000.000	400.000.000	100.000.000	100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	400.000.000	400.000.000	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT VN	400.000.000	400.000.000	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu Ngân hàng NN & PT NTVN (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (iv)	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
Tổng cộng	<u>7.190.000.000</u>	<u>7.190.000.000</u>	<u>6.890.000.000</u>	<u>6.890.000.000</u>

- (i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm.
- (ii) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iii) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iv) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.

Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 31/12/2022 là 6.790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng, chi tiết tại thuyết minh số 5.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/1.40 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Tỷ lệ Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty cổ phần Khách mời Việt Phát (i)	49%	49%	34.217.950.023	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn (ii)	45%	45%	15.923.392.564	-
Tổng cộng			18.294.557.459	-
			34.217.950.023	-

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý và đang các kỳ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.

(ii): Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty cổ phần Khách mời Việt Phát theo Nghị Quyết số 121/0/2022/NQ-HDQT ngày 12/10/2022 của Hội đồng quản trị. Trong năm, Công ty thoái vốn tại Công ty TNHH Trường Sơn theo Nghị quyết số 2911/2022/NQ-HDQT ngày 29/11/2022 và Nghị quyết số 0112/2022/NQ-HDQT ngày 1/12/2022 của Hội đồng quản trị.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 8.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.3. Phải thu khách hàng****Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	6.195.845.970	-
Công ty cổ phần VLXD Yên Bái	5.016.001.100	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	11.785.967.459	-
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	6.360.370.640	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.722.880.999	988.046.664
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.054.015.193	856.987.476
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	793.630.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	298.296.900
Các khách hàng khác	4.166.627.265	1.402.179.097
Tổng cộng	36.301.708.626	4.339.140.137

5.4. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	3.654.432.000	3.654.432.000
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	34.597.117.977	17.620.720.581
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	11.385.339.707	11.729.771.406
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	3.508.000.000	1.458.800.000
Công ty cổ phần công nghệ EMP	16.259.266.750	38.113.558.750
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	8.381.644.880	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	1.679.739.402	7.646.627.390
Công ty cổ phần XNK Caruvina	14.250.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư CP FARM Việt Nam	2.500.000.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	3.824.711.286	7.655.691.349
Tổng cộng	100.040.252.002	87.879.601.476

Trong đó

Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	8.900.187.879	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.5 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn	37.939.232.204	11.422.725.519
<i>Tạm ứng (i)</i>	<i>9.101.557.572</i>	<i>5.518.000.000</i>
Ông Lương Văn Hà	-	1.850.000.000
Ông Hồ Công Trứ	-	1.868.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đạt	2.600.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Huy	5.101.557.572	-
Các đối tượng khác	1.400.000.000	1.800.000.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>28.837.674.632</i>	<i>5.904.725.519</i>
Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	213.029.917	187.576.274
Ông Trần Ngọc Khánh	-	4.425.000.000
Ông Nguyễn Tiến Độ (ii)	14.473.000.000	-
Ông Đào Văn Huỳnh (ii)	7.983.750.000	-
Ông Nguyễn Khắc Lưu (ii)	6.116.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	51.644.715	1.292.149.245
b. Dài hạn	42.450.000.000	38.140.000.000
Bà Triệu Thị Sa (iii)	9.000.000.000	9.000.000.000
Ông Mai Anh Đức (iv)	30.000.000.000	25.690.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà (v)	3.000.000.000	3.000.000.000
BQL các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng (vi)	450.000.000	450.000.000
Tổng cộng	80.389.232.204	49.562.725.519
Phải thu khác là bên có liên quan	30.000.000.000	25.690.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) *Tạm ứng về hệ thống chống sét và tưới rửa pin và tạm ứng tiền sửa lắp nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.*
- (ii) *Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo các Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần, số tiền đã được thu từ tháng 1 - 3 năm 2023.*
- (iii) *Tiền đất cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTD/INVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.*
- (iv) *Tiền đất cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTD/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTD/DUCTRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTD/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.*
- (v) *Tiền đất cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTD/DATTEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm;*
- (vi) *Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TKQ ngày 11/09/2020 thời hạn từ 11/09/2020 đến 22/02/2024.*

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	151.188.121	45.121.741
- Công cụ dụng cụ	5.499.539	10.345.686
- Bảo hiểm tài sản	144.387.346	12.792.722
- Chi phí khác	1.301.236	21.983.333
Chi phí trả trước dài hạn	504.531.755	49.063.296
- Công cụ dụng cụ	147.545.773	49.063.296
- Chi phí sửa chữa hệ thống pin	351.865.982	-
- Chi phí khác	5.120.000	-
Tổng cộng	655.719.876	94.185.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.7 Hàng tồn kho**

		31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	(i)	786.315.000	-	189.368.263	-
Công cụ dụng cụ		-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang		-	-	14.752.376.005	-
+ Dự án Solar Cell		-	-	13.303.304.304	-
+ Dự án nhà xưởng Báo Lộc		-	-	1.240.165.584	-
+ Dự án khác		-	-	208.906.117	-
Thành phẩm		4.954.988.000	-	-	-
Hàng hóa	(i)	43.733.337.835	-	80.854.143.185	-
Tổng cộng		49.474.640.835	-	95.795.887.453	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	31/12/2022	01/01/2022
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	-	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đăng	Cao su thành phẩm	-	19.691.084.700
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	26.134.247.568	29.612.183.500
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	10.032.867.546	9.830.765.007

5.8 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BELTAMAZHILIYA LTD	118.571.650	59.285.825	118.571.650	118.571.650
JA Solar International Limited	1.088.940.182	326.682.055	1.607.483.181	1.607.483.181
Tổng	1.207.511.832	385.967.880	1.726.054.831	1.726.054.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc, trung thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	293.792.520.907	2.396.821.273	-	296.189.342.180
Mua trong năm	-	627.612.727	61.593.636	689.206.363
Đầu tư XDCB hoàn thành	11.305.023.651	-	-	11.305.023.651
Tặng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	305.097.544.558	3.024.434.000	61.593.636	308.183.572.194
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	15.962.343.219	684.445.167	-	16.646.788.386
Khấu hao trong kỳ	16.731.985.524	505.715.830	-	17.247.701.354
Tặng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	32.694.328.743	1.190.160.997	-	33.884.489.740
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	277.830.177.688	1.712.376.106	-	279.542.553.794
Tại ngày 31/12/2022	272.403.215.815	1.834.273.003	61.593.636	274.731.082.454

Trong đó:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 237.633.414.322 đồng (ngày 31/12/2021 là 251.185.239.224 đồng)

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	-	11.190.648.049
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	24.690.423.269	-
- Dự án Khu đô thị CRC	140.000.000	-
- Xe ô tô Vinfast	961.000.000	-
- Nhà máy sản xuất lưới thép - Vinasolar Bảo Lộc	13.213.701.061	9.775.780.455
- Dự án Trại gà - Công ty cổ phần Công nghệ CRC	2.000.000.000	-
- Dự án Trại gà - Công ty cổ phần Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	-
Tổng cộng	44.005.124.330	20.975.428.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	31/12/2022	01/01/2022
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.744.425	44.372.479
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.744.425	44.372.479

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH kinh doanh thương mại và dịch vụ Vinfast	1.017.100.000	1.017.100.000	-	-
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Aairsun VN	1.981.214.056	1.981.214.056	2.681.214.056	2.681.214.056
Công ty cổ phần công nghệ EMP	34.674.188	34.674.188	1.261.083.310	1.261.083.310
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	5.567.529.000	5.567.529.000	-	-
Ông Mai Anh Đức	24.000.000	24.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.407.358.832	1.407.358.832	19.789.960.883	19.789.960.883
Tổng cộng	10.031.876.076	10.031.876.076	23.732.258.249	23.732.258.249
Trong đó			31/12/2022	01/01/2022
Khoản phải trả nhà cung cấp là bên có liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)			24.000.000	-

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
- Phải trả ngắn hạn khác	934.450.500	934.450.500	2.436.710.000	2.436.710.000
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả + Bà Nguyễn Thị Thanh	856.450.500	856.450.500	721.031.468	721.031.468
Dùng	-	-	1.582.500.000	1.582.500.000
+ Phải trả khác	78.000.000	78.000.000	133.178.532	133.178.532
Tổng cộng	967.450.500	967.450.500	2.469.710.000	2.469.710.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Công nghệ năng lượng ET	1.164.500.000	1.164.500.000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	-	-	4.112.366.688	4.112.366.688
Công ty cổ phần Thương mại Mai Sơn Lâm	-	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	-	-	5.763.399.040	5.763.399.040
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	-	-	639.010.000	639.010.000
Các đối tượng khác	142.892.640	142.892.640	4.955.429.889	4.955.429.889
Tổng cộng	1.307.392.640	1.307.392.640	23.070.205.617	23.070.205.617

Trong đó

Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

*(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)***31/12/2022****01/01/2022**-

7.614.007.040

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2022 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	754.335.102	1.200.499.932	754.335.102	1.200.499.932
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	3.499.515	369.150.500	91.886.515
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế kh	21.000.000	36.000.000	57.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	191.400.188	24.834.964	166.565.224
Tổng cộng	1.232.872.602	1.431.399.635	1.205.320.566	1.458.951.671

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Chi phí lãi vay	491.750.538	221.301.624
- Chi phí thuê đất, thuê kho phải trả	60.945.205	7.945.205
- Chi phí phải trả khác	-	71.244.179
Tổng cộng	552.695.743	300.491.008

BỘ TÀI CHÍNH VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Còn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	129.838.267.037	129.838.267.037	373.090.974.046	326.883.499.815	83.630.792.806	83.630.792.806
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	56.769.183.542	56.769.183.542	181.060.137.714	173.561.206.448	49.261.252.276	49.261.252.276
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	63.879.083.493	63.879.083.493	136.797.229.737	107.197.686.792	34.369.540.530	34.369.540.530
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (3)	9.190.000.000	9.190.000.000	27.609.606.575	18.419.606.575	-	-
+ Vay có nhàn (8)	-	-	27.705.000.000	27.705.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	26.599.182.988	26.599.182.988	32.976.093.554	30.036.970.987	23.660.060.421	23.660.060.421
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	205.332.324	249.332.328	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (4)	163.182.988	163.182.988	191.574.743	191.637.659	165.245.904	165.245.904
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (5)	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (6)	4.060.000.000	4.060.000.000	4.703.185.487	4.060.000.000	3.416.814.513	3.416.814.513
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7)	15.720.000.000	15.720.000.000	21.722.000.000	18.882.000.000	13.380.000.000	13.380.000.000
Tổng cộng	156.437.450.025	156.437.450.025	406.067.067.000	356.920.479.892	107.290.853.227	107.290.853.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

a. Các khoản vay dài hạn

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	101.525.575.124	101.525.575.124	512.000.000	32.976.093.554	133.989.668.678	133.989.668.678
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hồng (5)	-	-	-	205.333.324	205.333.324	205.333.324
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (4)	878.326.892	878.326.892	512.000.000	191.574.743	557.901.635	557.901.635
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình (5)	27.437.109.000	27.437.500.000	-	6.654.000.000	34.091.500.000	34.091.500.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (6)	15.426.813.701	15.426.813.701	-	4.703.185.487	20.129.999.188	20.129.999.188
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7)	57.782.934.531	57.782.934.531	-	21.222.000.000	79.004.934.531	79.004.934.531
Tổng cộng	101.525.575.124	101.525.575.124	512.000.000	32.976.093.554	133.989.668.678	133.989.668.678

c. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn

- (1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng TDHM số 01/2022/8353501/HDD ngày 21/06/2022, Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,8%-9,2%/năm với khoản vay bằng VND và 4,8%-5,6%/năm với khoản vay bằng USD.
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sử hữu nhà ở có địa chỉ tại: Lô đất số B13.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc số hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sử hữu nhà theo GCNQSD số CN/467786 thuộc số hữu của ông Mai Anh Tâm; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc số hữu của ông Mai Anh Tâm.
- (2) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng tín dụng số 1260.AV20220250 ngày 19/05/2022; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 9%-9,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 5%-6%/năm đối với khoản vay bằng USD.
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 665984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngoại Vinh Phúc; 500 Trái phiếu Agrbank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.
- (3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HDCV/HMNHC1727 ngày 12/10/2021; Thời hạn vay là 4-6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 9%/năm.
Tài sản thế chấp: Trái phiếu Vietcombank trị giá 6.000.000.000 đồng; Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế an bên nhận thế chấp tài trợ vốn với giá trị tài sản bằng số dư nợ; Toàn bộ nguồn thu luân chuyển qua tài khoản tiền gửi thanh toán VND số 118002774994 và tiền gửi thanh toán USD số 119002775000 và các tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty mở tại Ngân hàng sau thời điểm ký hợp đồng thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

đ. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

- (4) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shunhan Việt Nam - Chi nhánh Trầm Thủy Hưng theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TD/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TD/PL/2021/0638 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,5%/năm.
Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BXS: 300-065.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 290-317.13, giá trị còn lại ngày 30/06/2022 lần lượt là 451.350.328 đồng; (tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 511.790.326 đồng và 383.425.203 đồng).
- (5) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng cho vay số 65290.20/01.8294087.TD ngày 23/11/2020, Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 13%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNC/PC/SCTECH do Công ty cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.
Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 11,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mới nhất; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 12,2%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 12,7%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
Hợp đồng vay số 13611.21.014.9720117.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 11,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trụ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNC/CP ngày 26/11/2020.
- (6) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HEDA/20598213 ngày 26/06/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phần của công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Nguồn thu từ dự án điện áp mới Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lũng Hòa, Lâm Đồng số BU186508.
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HEDA/2095745 ngày 17/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HEDA/20955417 ngày 09/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 10,9%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, không nhà xưởng của dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số B0544376.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
5. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(Tiếp theo)

- 5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**
- [7] Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HDYTJĐ ngày 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
- Hợp đồng tín dụng số 11/09/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khang nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CBC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số Đ0344379
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HDYTJĐ ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,3%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc số thửa của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh桂, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liêu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng cho vay số 4636.21.011.9/142097.TĐ ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; BDS: tư xã Tân Thành, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số C/8027498
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14507983/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liêu kết hợp điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1432823/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày ghi nhận đầu tiền; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519933/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HDYTJĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất 9,8%/năm.
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc số thửa của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

[8] Các khoản vay có nhân là vay tín chấp dưới 12 tháng, lãi suất 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quy đầu tư phát triển</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	-	17.008.792.623	1.153.473.945	178.807.871.493
Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	22.322.655.362	141.150.235	22.463.805.597
Tăng khác	-	-	16.945.321	2.088.571.741	4.295.163.062	6.400.680.124
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	(66.589.266)	-	(66.589.266)
Giảm khác	-	-	(16.945.321)	-	(595.118.892)	(612.064.213)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	-	33.853.430.460	4.994.668.350	349.493.703.735
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.019.101.087	517.955.417	24.537.056.504
Tăng khác	-	-	44.672.907	-	-	44.672.907
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	(461.000.000)	(461.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)
Giảm khác	-	-	(44.672.907)	-	-	(44.672.907)
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	10.645.604.925	-	57.794.531.547	5.051.623.767	373.491.760.239

(*) Trong năm, Công ty trích thù lao trả HĐQT và BKS với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-DHĐCD ngày 09/4/2022. Phần chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 18.000.000.000 đồng tương đương 6% mệnh giá cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ông Mai Anh Tâm	20.000.000.000	20.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	265.955.200.000	265.955.200.000
Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	300.000.000.000	150.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	150.000.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.500.000.000
	Năm 2022	Năm 2021
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)</i>	600 đồng/cổ phiếu	500đ/ cổ phiếu

(i): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 0904/2022/CRC/NQ-ĐHCD ngày 09/04/2022 thông qua mức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần. Kế hoạch chi trả cổ tức để tăng vốn được thực hiện khi có sự phê duyệt phương án tăng vốn của Ủy ban chứng khoán Nhà nước

d. Cổ phiếu:

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19 Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	77.731,52	95.167,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.735.616.888	369.087.805.784
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	366.533.298.759	127.699.397.864
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	-	214.337.143.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.202.318.129	27.051.264.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	421.735.616.888	369.087.805.784
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>366.533.298.759</i>	<i>127.699.397.864</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>-</i>	<i>214.337.143.044</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>55.202.318.129</i>	<i>27.051.264.876</i>
Trong đó	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu với các bên liên quan	41.127.461.006	29.760.418.139
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	356.727.090.952	123.655.903.344
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	-	211.017.464.678
Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.926.075.186	9.054.450.986
Tổng cộng	373.653.166.138	343.727.819.008

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	533.283.613	2.494.919.912
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.459.760	651.169.501
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.672.907	16.945.321
Lãi thanh lý khoản đầu tư	705.049.977	119.587.162
Tổng cộng	1.301.466.257	3.282.621.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	16.440.264.937	10.385.060.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	249.764.383	10.069.242
Tổng cộng	16.690.029.320	10.395.129.323

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	2.003.276.744	1.095.052.246
- Chi phí công cụ quản lý	153.768.566	46.897.428
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.484.715	451.883.326
- Thuế, phí và lệ phí	36.000.000	110.097.031
- Chi phí dự phòng	821.543.952	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.160.254	2.479.645.965
- Chi phí bằng tiền khác	300.808.612	132.339.178
Tổng cộng	5.303.042.843	4.315.915.174
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.382.364.850	1.798.638.947
Tổng cộng	1.382.364.850	1.798.638.947

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	918.854.711	754.335.102
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	281.645.221	-
Tổng cộng	1.200.499.932	754.335.102

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế TNDN hoãn lại	26.628.054	(11.521.260)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	26.628.054	(11.521.260)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**6.7 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	709.663.467	10.706.328.549
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	332.107.591
- Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	-	10.341.113.536
- Công nợ không phải trả	359.632.329	-
- Các khoản khác	350.031.138	33.107.422
Chi phí khác	953.958.971	35.355.053
- Chi phí khấu hao TSCĐ	583.073.284	-
- Lãi chậm nộp BHXH	-	143.603
- Các khoản bị phạt, bị truy thu	323.388.961	34.518.097
- Các khoản khác	47.496.726	693.353
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(244.295.504)	10.670.973.496

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.576.846.331	106.134.707.587
Chi phí nhân công	2.053.276.744	992.991.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.649.715.135	8.613.141.596
Chi phí dự phòng	821.543.952	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.976.343.289	20.511.201.576
Chi phí khác bằng tiền	1.096.835.193	1.023.907.213
Tổng cộng	45.174.560.644	137.275.949.912

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.537.056.504	22.463.805.597
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	24.019.101.087	22.322.655.362
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	17.506.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	801	1.275

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.019.101.087	22.322.655.362
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	24.019.101.087	22.322.655.362
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	17.506.849
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (i)	51.800.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	294	1.275

- (i): Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 09/04/2022/CRC/BB-ĐHCD ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 từ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
7.1. Thanh lý công ty con trong năm		
Tổng giá trị thanh lý	-	15.722.086.000
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	-	15.722.086.000
7.2 Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	123.941.279	34.937.215
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	19.972.710
+ Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thu	28.573.000.000	4.425.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1 Báo cáo bộ phận

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, năng lượng và dịch vụ và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Năng lượng và Dịch vụ</i>	<i>Đầu tư tài chính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	366.533.298.759	55.202.318.129	-	421.735.616.888
Tổng doanh thu thuần	366.533.298.759	55.202.318.129	-	421.735.616.888
<i>Chi phí kinh doanh</i>				
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	362.178.772.813	18.159.801.018	-	380.338.573.831
- Chi phí bán hàng	356.727.090.952	16.926.075.186	-	373.653.166.138
- Chi phí quản lý	1.382.364.850	-	-	1.382.364.850
- Chi phí QLDN	4.069.317.011	1.233.725.832	-	5.303.042.843
<i>Kết quả HDKD</i>	4.354.525.946	37.042.517.111	-	41.397.043.057
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	(15.388.563.063)	(15.388.563.063)
- Lợi nhuận khác	-	-	(244.295.504)	(244.295.504)
- LN/(lỗ) trước thuế	4.354.525.946	37.042.517.111	(15.632.858.567)	25.764.184.490
<i>Chí tiêu</i>	<i>Kinh doanh hàng hóa</i>	<i>Năng lượng và Dịch vụ</i>	<i>Đầu tư tài chính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.364.375.283	6.813.511.468	13.000.000.000	29.177.886.751
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	400.000.000	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	151.914.188.945	21.545.459.935	-	173.459.648.880
Hàng tồn kho	49.474.640.835	-	-	49.474.640.835
Tài sản ngắn hạn khác	25.408.972.714	-	-	25.408.972.714
Các khoản phải thu dài hạn	-	42.450.000.000	-	42.450.000.000
Tài sản cố định	24.434.738.509	249.854.575.060	-	274.289.313.569
Tài sản dở dang dài hạn	25.791.423.269	18.213.701.061	-	44.005.124.330
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	6.790.000.000	6.790.000.000
Tài sản dài hạn khác	522.276.180	-	-	522.276.180
Tổng tài sản	286.910.615.735	338.877.247.524	20.190.000.000	645.977.863.259

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

<i>Chi tiết</i>	Kinh doanh hàng hóa	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Nợ phải trả	121.163.938.868	49.591.877.787	-	170.755.816.655
Nợ ngắn hạn	1.083.038.133	100.647.248.232	-	101.730.286.365
Nợ dài hạn	122.246.977.001	150.239.126.019	-	272.486.103.020

b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2022		Năm 2021	
	VND	VND	VND	VND
Khu vực nội địa	392.151.032.830	347.504.174.704		
Khu vực nước ngoài	29.584.584.058	21.583.631.080		
Cộng	421.735.616.888	369.087.805.784		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết đến ngày 01/12/2022
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Gốm sứ Haseco	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc từ ngày 09/03/2022
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 13/12/2022
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác, và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Giao dịch với các bên liên quan**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và phụ cấp	527.947.419	147.029.431
<i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	252.000.000	-
<i>Thù lao Ban Kiểm soát</i>	94.186.182	78.916.415
<i>Tiền lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc</i>	181.761.237	68.113.016
Các khoản khác	-	-
Tổng cộng	527.947.419	147.029.431

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị		252.000.000	-
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	76.000.000	-
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT	76.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Ban Kiểm soát		94.186.182	78.916.415
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng Ban kiểm soát	75.596.916	78.916.415
Bà Hà Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	10.392.844	-
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên Ban kiểm soát	8.196.422	-
Ban Tổng Giám đốc		181.761.237	68.113.016
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	181.761.237	68.113.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên có liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 1/11/2021 Có cùng CT HĐQT đến ngày 23/12/2021	Doanh thu xây lắp	-	4.998.556.340
Công ty cổ phần CRC Solar Cell	23/12/2021	Doanh thu xây lắp		24.755.735.254
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Bán hàng hóa	16.902.617.855	-
Công ty CP gạch ngói Vinh Phúc	Công ty liên kết đến ngày 21/12/2022	Bán hàng hóa	1.901.460.000	-
Công ty cổ phần vật tư điện Hùng Cường	BLQ của TGD từ ngày 09/03/2022	Bán hàng hóa	2.594.442.000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Bán hàng hóa	13.739.222.000	6.126.545
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly Cộn	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Bán hàng hóa	5.989.719.151	-
			41.127.461.006	29.760.418.139
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	15.714.780.000	10.336.717.000
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	Mua hàng hóa	192.071.600	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly Cộn	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	Mua hàng hóa	13.796.000.000	-
Ông Mai Anh Đức Cộn	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Thuế đất	198.958.200	126.958.200
			29.901.809.800	10.463.675.200
Tiền gửi ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Tất toán tiền gửi ủy thác	-	14.400.000.000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	66.954.585
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	118.153.358
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	-	1.000.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	12.250.000.000
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	147.205.479
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	-	188.049.315
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	-	5.000.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	-	5.000.000.000
		Lãi tiền gửi	-	79.910.441
		Thu lãi tiền gửi	-	79.910.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên có liên quan*

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Các khoản phải thu, phải trả khác				
	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	-	300.000.000
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	đến ngày 21/12/2022	Thu tiền cho mượn	-	1.464.974.782
Công ty CP Phụ gia bê tông Phà Lại	Có cùng Chủ tịch HDQT	Chi tiền cho mượn	-	199.967.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	199.967.000
Đặt cọc				
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Đặt cọc tiền thuê đất	4.310.000.000	25.690.000.000
Vay				
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Vay	400.000.000	
		Trả tiền vay	400.000.000	
Ông Lê Thánh Nhân	Thành viên HĐQT	Vay	19.500.000.000	
		Trả tiền vay	19.500.000.000	

b. Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2022 (VND)</u>	<u>01/01/2022 (VND)</u>
Người mua trả tiền trước		-	7.614.007.040
Công ty cổ phần Tập đoàn Koly	BLQ của TGD đến ngày 13/12/2022	-	5.763.399.040
Công ty cổ phần Gốm sứ Haeeco	Có cùng CT HĐQT đến 13/12/2022	-	1.850.608.000
Phải thu khác (đặt cọc tiền thuê đất)		30.000.000.000	25.690.000.000
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	30.000.000.000	25.690.000.000
Phải trả người bán		24.000.000	-
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	24.000.000	-
Trả trước cho người bán		8.900.187.879	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022	8.381.644.880	-
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển SHP	Bên liên quan của TGD	518.542.999	-

8.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 09/04/2022/CRC/BB-ĐHCD ngày 09/04/2022 với mức tăng dự kiến 518.000.000.000 đồng (Bao gồm: 300.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; 200.000.000.000 đồng thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; 18.000.000.000 đồng từ chi trả có tức bằng cổ phiếu). Công ty đã gửi kế hoạch tăng vốn lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, việc tăng vốn sẽ được thực hiện sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước phê duyệt.

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập



NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THUÝ

Tổng Giám đốc



DUYNG THỊ HUYỀN

